

Tập 14

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười lăm:

(Sớ) Nhược tựu đương kinh, sơ cú tức Vô Lượng Quang, đồng triệt vô ngại cố. Nhị cú tức Vô Lượng Thọ, thường hằng bất biến cố. Tam tứ cú tức linh tâm tuyệt đãi, quang thọ giao dung, nhất thiết công đức giai vô lượng cố. Ngũ cú tổng tán, tức kinh vân: “Như ngã xưng tán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức”. Mạt cú kết quy, ngôn A Di Đà Phật toàn thể thị đương nhân tự tánh dã.

(疏)若就當經，初句即無量光，洞徹無礙故。二句即無量壽，常恆不變故。三四句即靈心絕待，光壽交融，一切功德皆無量故。五句總讚，即經云：如我稱讚阿彌陀佛不可思議功德。末句結歸，言阿彌陀佛全體是當人自性也。

(Sớ: Nếu xét theo kinh này thì câu đầu tiên là Vô Lượng Quang vì thấu suốt rộng rang không ngăn ngại. Câu thứ hai là Vô Lượng Thọ vì thường hằng chẳng biến đổi. Câu thứ ba và câu thứ tư là nói tới cái tâm ấy linh minh, dứt bất đối đãi, vì Quang và Thọ hòa lẫn vào nhau, hết thấy công đức đều vô lượng. Câu thứ năm là khen ngợi chung, tức là như kinh đã chép: “Như ta nay khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật”. Câu cuối cùng là lời tổng kết, nói: Toàn thể của A Di Đà Phật chính là tự tánh của con người vậy).

Đoạn này giảng giải rõ ràng một dòng rườì thuộc phần Minh Tánh trong lời tựa, hết sức khó có. Những ý nghĩa được chứa đựng trong đoạn này cũng hết sức tinh tường, sâu xa, rộng lớn. Sách Diễn Nghĩa đã giảng rõ như sau:

(Diễn) Nhược tựu đương kinh hạ.

(演) 若就當經下。

(Diễn: Từ chữ “nếu xét theo kinh này” trở đi...)

“Hạ” là trở đi, từ câu này trở đi...

(Diễn) Thị giải thích tự văn dĩ cánh.

(演) 是解釋序文已竟。

(Diễn: Là giải thích phần lời tựa đã xong).

Từ đoạn này trở đi, “*thị giải thích tự văn dĩ cánh*” tức là đã giải thích xong phần Tựa.

(Diễn) Hạ phục phối thuộc chư kinh.

(演) 下復配屬諸經。

(Diễn: Tiếp đó, lại đối chiếu [những ý nghĩa đã nêu trong lời tựa] với các kinh).

Tiếp đó, lại đem những ý nghĩa ấy so với các kinh để nói.

(Diễn) Kim tiên tựu đương kinh phối Quang Thọ dã.

(演) 今先就當經配光壽也。

(Diễn: Nay trước hết, phối hợp với ý nghĩa Quang và Thọ trong kinh này).

Đem đối chiếu với các kinh thì trước hết, lấy ngay kinh này để đối chiếu xem câu nào [trong lời tựa] sẽ tương ứng với ý nghĩa nào trong kinh văn, câu nào cũng được giảng giải rõ ràng. Trong đoạn này, “*sơ cú*” chính là câu thứ nhất trong lời tựa, tức câu “*linh minh đồng triệt*”. Câu thứ hai là “*trạm tịch thường hằng*”. Linh minh đồng triệt tương ứng với ý nghĩa Vô Lượng Quang, vì “*thấu suốt rộng rang không ngăn ngại*”. Câu thứ hai là ý nghĩa Vô Lượng Thọ, “*thường hằng bất biến*”. Câu thứ ba và câu thứ tư trong lời tựa là “*phi trước phi thanh, vô bối vô hướng*”.

Hai câu này đã được giảng là: “*Linh tâm tuyệt đãi, quang thọ giao dung*”, bao gồm những ý nghĩa ấy. “*Nhất thiết công đức giai vô lượng cố*” (vì hết thấy công đức đều vô lượng), nói chung về các thứ vô lượng. Câu thứ năm là lời khen ngợi chung: “*Đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tu nghị giả*” (Lớn thay chân thể, chẳng thể nghĩ bàn được), thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đặc biệt là đối với những ý nghĩa được bao hàm trong bốn

chữ “*bất khả tư nghị*”, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu. Trong kinh này, chính Thích Ca Mâu Ni đã nói: “*Như ngã xưng tán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức*”, mười phương chư Phật cũng xưng tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Do vậy, sự bất khả tư nghị này có căn cứ, chứ chẳng phải là nói tùy tiện. Câu cuối cùng nhằm quy vào tự tánh của chính mình, công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy là của ai? Là của chính mình, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Do đây có thể biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật là ai? Là chính chúng ta.

Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nêu ra ba cương lĩnh lớn: Tín, Nguyện, Hạnh. Thứ nhất là Tín, Ngài nêu ra sáu điều, điều thứ nhất là Tín Tự. Ở đây, Liên Trì đại sư dạy rõ: Đây là tự tánh. Nếu chẳng tin vào tự tánh sẽ chẳng thể gọi là tin Phật được! Trong Phật pháp có nói “*tín, giải, hạnh, chứng*”, thứ nhất là phải tín Tự, rồi sau đây mới tín Tha. Tha Phật có thể làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, Tín Tự là Thân Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên và Vô Giáns Duyên, Tín Tâm được kiến lập như thế. Tín Tha là Tăng Thượng Duyên. Tín tâm được kiến lập như vậy đó. Ở đây, lời chú giải cũng rất hay, đơn giản, trọng yếu. “*Kim tiên tự đương kinh phối Quang Thọ*” (Nay trước hết phối hợp với ý nghĩa Quang và Thọ trong kinh này), tức là trong kinh văn của kinh này có nói Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ.

(Diễn) Tuyệt đãi giao dung giả.

(演) 絕待交融者。

(Diễn: “Tuyệt đãi giao dung” là...)

Câu thứ ba và câu thứ tư [trong phần Sớ] là “*linh tâm tuyệt đãi, quang thọ giao dung*”, lời chú giải [trong sách Diễn Nghĩa] đã giảng rõ mấy câu này.

(Diễn) Quang dữ Thọ tự đối đãi pháp.

(演) 光與壽似對待法。

(Diễn: Thọ và Quang dường như là hai pháp tương đối).

“*Đối đãi*” nói theo cách hiện thời là “*tương đối*”. Chữ “*tự*” (似) có nghĩa là dường như chúng là hai pháp đối lập nhau.

(Diễn) Nhi kỳ thật, cử Quang tức dung Thọ, cử Thọ tức dung Quang, nguyên phi nhị vật, hữu hà đối đãi.

(演)而其實舉光則融壽，舉壽則融光，原非二物，有何對待。

(Diễn: Thật ra, nêu lên Quang thì đã hàm chứa Thọ, nêu lên Thọ đã hàm chứa Quang, chúng vốn chẳng phải là hai vật, nào có đối đãi gì?)

Thoạt nhìn có vẻ như Thọ và Quang đối lập, thật ra, chúng chỉ là một chuyện, đều là tánh đức trong bản tánh. Bản tánh có Chiếu đức, đó là Quang, [tức là] bản tánh có trí huệ. Bản tánh có Tịch đức, Tịch là như như bất động, chân tâm quả thật là bất động. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nêu một thí dụ, Ngài nêu lên tánh Thấy. Tánh Thấy là chân tâm, tánh Thấy trọn đủ ý nghĩa Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Tánh Thấy có thể chiếu, tức là thấy hết thấy sắc rõ ràng phân minh, đó là ý nghĩa Vô Lượng Quang. Tánh Thấy bất sanh bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, bất động, bất hoại. Đó là ý nghĩa Vô Lượng Thọ. Mở banh mắt bèn thấy, mà nhắm mắt vẫn thấy, quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ biết, phần “*thập phiên hiển kiến*” (mười phen chỉ rõ cái Thấy) giảng rõ tánh Thấy là chân tâm. Tánh Thấy là Chân Như bản tánh. Quý vị biết tánh Thấy là như vậy, mà căn tánh của sáu Căn không gì chẳng giống như vậy.

Đó gọi là “*nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp*” (do nương vào một cái tinh minh (chân tâm) mà chia thành sáu thứ hòa hợp). Do đây biết rằng: Ý nghĩa Quang và Thọ quả thật dung hội lẫn nhau, dứt bật đối đãi. Dứt bật đối đãi (tuyệt đãi) là chẳng đối lập; do vậy, dung hội, hòa lẫn vào nhau. “*Nguyên phi nhất vật*” (vốn chẳng phải là hai vật), một đằng là nói theo mặt Chiếu, một đằng là nói theo mặt Tịch. Tịch là tự tánh vốn Định, Định ấy chẳng phải do tu mà có, mà là bản tánh vốn sẵn có, nó được gọi là Lăng Nghiêm Đại Định. Lăng Nghiêm Đại Định chẳng phải do tu mà thành, mà là Tánh Định (Định sẵn có trong tự tánh). Chiếu là Bát Nhã trí huệ trong tự tánh. Tự Tánh Huệ là Vô Lượng Quang. Tự Tánh Định là Vô Lượng Thọ. Định và Huệ đều là tánh đức (những phẩm đức của tánh); do vậy, chúng dứt bật đối đãi, dung hội lẫn nhau.

(Diễn) Nhất thiết công đức, vị vô lậu tánh công đức. Vô lượng giả, cụ túc viên mãn bất khả tư nghị dã.

(演)一切功德，謂無漏性功德。無量者，具足圓滿不可思議也。

(Diễn: “Hết thấy công đức” là các công đức vô lậu của tự tánh. “Vô lượng” là [các công đức ấy] đầy đủ viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn).

“Tánh” là Chân Như bốn tánh, có Thể, có Tướng, có Dụng. Tựa đề kinh Hoa Nghiêm có chữ Đại Phương Quảng; Đại là tán thán Tánh Thể, Phương là tán thán Tánh Tướng, Quảng là tán thán sự khởi tác dụng của chân tánh (Tánh Dụng). Do vậy, ba chữ “Đại Phương Quảng” nhằm tán thán Thể, Tướng, Dụng của bốn tánh. “Công đức” là nói về Tướng và Dụng, công đức ấy là công đức của bốn tánh. Đã thuộc bốn tánh thì chúng tuyệt đối chẳng do tu mà có, vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra muôn pháp, đó là “tánh công đức” (các công đức của tánh). Tánh công đức là vô lậu. “Lậu” là tên gọi khác của phiền não, “vô lậu” là quyết định chẳng sanh phiền não. Trong công đức xứng tánh chẳng có phiền não. Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não đều đoạn sạch thì mới gọi là “vô lậu”. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh¹, nên vẫn chưa hết Lậu, chưa hoàn toàn tách rời Lậu. Một phẩm sanh tướng vô minh ấy cũng chẳng còn thì mới thật sự là vô lậu. Ai có tánh công đức của chân vô lậu? Phật trong Viên Giáo mới trọn đủ, mới viên mãn. Những vị thánh nhân Tiểu Thừa cũng gọi là Vô Lậu, nhưng không có tánh công đức, vì vô lậu của người Tiểu Thừa chỉ là đoạn Kiến Tư phiền não, chứ chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Do vậy, vô lậu trong Tiểu Thừa chẳng rốt ráo. “Vô lậu tánh công đức” mới thật sự là bản lai diện mục của chính mình. Chúng ta hãy suy nghĩ: Hiện thời chúng ta trong hết thấy mọi lúc thường sanh phiền não, đó là hữu lậu. Hữu lậu là phàm phu, vô lậu là thánh nhân. Hữu lậu là mê hoặc, điên đảo, vô lậu mới là giác ngộ chẳng mê. Chúng ta hãy tự mình suy nghĩ, chúng ta có dây lên phiền não hay không? Dây phiền não là phàm phu, là đang ở trong tình trạng bệnh hoạn, chẳng khỏe mạnh, chính mình nhất định phải hiểu rõ!

¹ Sanh tướng vô minh (Mulavidya): Còn gọi là Vô Thi Vô Minh, Nguyên Phẩm Vô Minh, là căn bản của hết thấy phiền não, đồng thời là căn bản của Vô Minh phiền não. Nó chính là cái tâm bất giác, mê vọng. Gọi là “sanh tướng vô minh” vì vô minh đã có từ vô thi, là căn bản gây nên sanh tử lưu chuyển.

Ở đây nói “*hết thấy công đức*” là nói đến công đức xứng tánh vô lậu, là những công đức vốn sẵn có trong bản tánh. “*Công*” là công năng, “*đức*” là đức dụng. “*Vô lượng*” là trọn đủ viên mãn chẳng thể nghĩ bàn, đây là ý nghĩa của chữ “*vô lượng*”. Công đức vô lậu trong tự tánh viên mãn, chẳng thiếu sót mảy may nào. Do vậy, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thì trong mười pháp giới ấy, lục phàm pháp giới chẳng phải là hữu lậu hay sao? Quý vị hãy tự suy nghĩ: Lục phàm là hữu lậu hay vô lậu? Khi chưa giác ngộ, ở trong lục phàm là hữu lậu, sau khi đại triệt đại ngộ, trụ trong Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân và mười pháp giới là một, chẳng phải hai. Trong Nhất Chân có mười pháp giới hay không? Có! Nhưng trong cái nhìn của Phật, của Đại Bồ Tát, hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật. Hình dạng của Phật là như thế nào? Có hình dạng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, cũng có hình dạng Bồ Tát, cũng có hình dạng trời, người, cũng có hình dạng nga quý, địa ngục, rất nhiều hình dạng, nhưng đều là Phật. Mắt Phật nhìn thấy [mọi loài] đều là Phật, quyết chẳng phải là [chờ đến khi chúng sanh đã] thành Phật rồi, Phật mới thấy hết thấy chúng sanh đều biến thành ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, không có đạo lý ấy! Vì sao? Ngài chứng được vô lậu, thấy hết thấy Tướng Phân là do tánh biến hiện. Tánh vô lậu nên Tướng cũng vô lậu. Cái gọi là Lậu ấy do đâu mà có? Lậu là do chính quý vị đang mê, chẳng liên can gì đến Tướng! Tự mình mê nên tự sanh phiền não, chuyện là như vậy đó! Do vậy, quả thật là đầy đủ viên mãn chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) *Nhi dĩ thử cú, đương phi trước, phi thanh nhị cú giả.*

(演) 而以此句，當非濁非清二句者。

(Diễn:) Nhưng hãy nên đem câu này [tức câu “*nhất thiết công đức, vị vô lậu tánh công đức. Vô lượng giả, cụ túc viên mãn bất khả tư nghĩ dã*”] áp dụng cho hai câu “*chẳng phải trước, chẳng phải thanh, [chẳng trái nghịch, chẳng hướng về]*” [trong lời tựa]).

Trong chân tánh, chẳng thể nào nhắc tới “*thanh, trước, hướng, bối*” (trong, đục, hướng về, trái nghịch) được; còn trên mặt Sự thì có hay là không? Trên mặt Sự là có, trên mặt Lý thì không. Sự có, Lý không, Tướng có, Tánh không. Trong Tướng có “*thanh, trước, hướng, bối*”, trong Tánh chẳng có. Trong Sự có “*thanh, trước, hướng, bối*”, trong Lý chẳng có. Do đây có thể biết, nói tới “*thanh, trước, hướng, bối*” là đã

mê rồi cho nên mới có những hiện tượng ấy. Sau khi đã ngộ, những hiện tượng ấy chẳng còn nữa.

(Diễn) Dĩ đản hữu thanh, trước, hướng, bối, tức hữu đối đãi bất dung thông, tiện bất thị tánh công đức, tiện phi vô lượng.

(演) 以但有清濁向背，即有對待不融通，便不是性功德，便非無量。

(Diễn: Do chỉ cần có thanh, trước, hướng về, trái nghịch, sẽ liền có đối đãi, chẳng dung thông, sẽ chẳng phải công đức trong tự tánh, chẳng phải là vô lượng).

Ấy là hữu lượng.

(Diễn) Kim vô thanh, trước, hướng, bối, thị nhất thiết công đức giai vô lượng dã.

(演) 今無清濁向背，是一切功德皆無量也。

(Diễn: Nay không có thanh, trước, hướng về, trái nghịch, thì hết thấy công đức đều là vô lượng).

“Thanh, trước, hướng, bối” trong phần trên đã giải thích rất cặn kẽ. Đây là câu thứ ba và câu thứ tư được nhìn theo ý nghĩa trong kinh này, đến đây chúng ta có thể rút ra kết luận.

Câu thứ năm là lời khen ngợi chung, “tức kinh vân, như ngã tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức” (chính là như trong kinh đã nói: “Như ta khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật”); trong phần giải thích kinh văn sẽ thảo luận cặn kẽ câu này. “Mạt cú kết quy” (Câu cuối cùng là quy kết), hết sức trọng yếu, “ngôn A Di Đà Phật toàn thể thị đương nhân tự tánh dã” (nói toàn thể của A Di Đà Phật là tự tánh của chính mình). Chữ “toàn thể” bao gồm y báo lẫn chánh báo, “đương nhân” là chính mình, [“đương nhân tự tánh” là] tự tánh của chính mình. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là tự tánh của chính mình. Câu này phải giải thích như thế nào? Ở đây, lời chú giải ghi:

(Diễn) Phạn ngữ A Di Đà Phật, thử vân Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang.

(演) 梵語阿彌陀佛，此云無量壽，無量光。

(**Diễn** : *Tiếng Phạn A Di Đà Phật, cõi này dịch là Vô Lượng Thọ hoặc Vô Lượng Quang*).

Đây là lời giải thích theo [những ý nghĩa] trong kinh này.

(**Diễn**) *Nhi tự tánh Tịch, tức thị Vô Lượng Thọ. Tự tánh Chiếu, tức thị Vô Lượng Quang. Tịch Chiếu bất nhị, tức thị Quang Thọ giao dung, tức A Di Đà Phật, khởi bất tức thị đương nhân tự tánh?*

(演) 而自性寂，即是無量壽。自性照，即是無量光。

寂照不二，即是光壽交融。則阿彌陀佛，豈不即是當人自性。

(**Diễn**: *Nhưng tự tánh Tịch, chính là Vô Lượng Thọ; tự tánh Chiếu tức là Vô Lượng Quang. Tịch và Chiếu chẳng hai, chính là Quang và Thọ dung nhiếp lẫn nhau, vậy thì A Di Đà Phật há chẳng phải tự tánh của chính mình ư?*)

Đây chính là nói “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Tịnh Độ và Di Đà đều do tự tánh biến hóa. Đã do tự tánh biến hóa ra, đương nhiên chẳng phải do ai khác, mà là chính mình. Kinh, luận (chú giải chính là luận) nói rõ ràng minh bạch như vậy, chúng ta nghe xong dường như cũng hiểu rõ, thật ra có hiểu rõ hay không? Không! Nghe chẳng hiểu rõ, vì sao nghe không hiểu? Nếu thật sự hiểu rõ, nghe thật sự hiểu, quý vị đã thành A Di Đà Phật, đã nhập cảnh giới, giống như nhà Thiền thường nói: “*Ngôn hạ đại ngộ*” (đại ngộ ngay khi [thầy hay thiện tri thức] vừa nói xong), quý vị nghe nói xong chẳng ngộ! Nói cách khác, chúng ta nghe rồi dường như hiểu, nhưng chẳng hiểu, chẳng phải thật sự hiểu, chẳng chuyển được cảnh giới. Thật sự hiểu sẽ lập tức chuyển được cảnh giới.

Vì sao chúng ta không chuyển được? Nghiệp chướng quá nặng! Chướng ngại ngăn trở Chiếu và Tịch trong tự tánh của chính mình. Do vậy, Định vốn có trong tự tánh chẳng thể hiện tiền, Bát Nhã trong tự tánh cũng chẳng thể hiện tiền, bị nghiệp chướng của chính mình chướng ngại; nhưng quý vị phải hiểu rõ chuyện này: Trong tự tánh vốn có Bát Nhã và Định, nghiệp chướng, phiền não, và vô minh của quý vị trong hiện tại vốn là không. Vốn là không thì nó là giả, vốn là có thì nó là

chân. Vốn là có sẽ nhất định chứng được, sẽ có thể khôi phục. Vốn là không thì nhất định sẽ đoạn được sạch sành sanh. Điều kiện thấp nhất là chúng ta phải tin tưởng điếm này, phải kiên lập tín tâm ở chỗ này thì quý vị sẽ có nhập xứ. Đoạn thứ hai tiếp theo đây là [đem những câu luận về Tánh trong lời tựa] phối hợp với Tam Đại (Thê Đại, Tướng Đại, Dụng Đại).

(Sớ) *Hựu sơ cú minh vô bất chiếu, tức Dụng Đại.*

(疏) 又初句明無不照，即用大。

(Sớ: Lại nữa, câu đầu tiên nói rõ [tự tánh] sáng suốt, không gì chẳng chiếu, đây chính là Dụng Đại).

Câu đầu tiên là “*linh minh đồng triệt*”, đây là nói về Dụng Đại (tự tánh có tác dụng to lớn), không gì chẳng chiếu. Câu thứ hai là “*trạm tịch thường hằng*”.

(Sớ) *Nhị cú tĩnh vô bất hàm, tức Tướng Đại.*

(疏) 二句靜無不含，即相大。

(Sớ: Câu thứ hai là [tự tánh] tĩnh, nhưng không gì chẳng chứa, đây chính là Tướng Đại).

Chân Như bốn tánh có hình dạng ra sao? Tướng thanh tịnh, tịch diệt, bất động. Kinh thường nói: “*Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (Na Già² thường ở trong Định, chẳng lúc nào không Định). Tự tánh vốn Định, khi quý vị giác ngộ, tự tánh thuộc về Định; khi mê, tự tánh vẫn ở trong Định, chứ không phải là nói “quý vị đã mê, tự tánh sẽ loạn”. Nếu khi mê mà loạn thì chẳng gọi là bốn tánh, chẳng thể gọi là Bốn Giác, dẫu mê cũng chẳng loạn! Giống như ngày u ám không có ánh

² Na Già (Nāga), theo Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 23, có nghĩa gốc là “rồng, voi, vô tội”. Về sau, từ ngữ này thường được dùng để xưng tụng Phật hoặc La Hán, nhằm sánh ví những bậc có đại lực dụng. Đại Trí Độ Luận, quyển 3 viết: “*Ma Ha là lớn, Na là Vô, Già là Tội. A La Hán đoạn các phiền não, cho nên gọi là Đại Vô Tội (Ma Ha Na Già)*”. Thiên Định của Phật cũng được gọi là Na Già Đại Định như luận Câu Xá, quyển 13 chép: “*Có các bộ (các bộ phái Tiểu Thừa) nói, chư Phật Thế Tôn thường ở trong Định, tâm chỉ là lành, không có tâm vô ký. Vì thế, Khế Kinh chép: ‘Na Già hành tại Định, Na Già trụ tại Định, Na Già tọa tại Định, Na Già ngọa tại Định’* (Đức Thế Tôn đi, đứng, ngồi, nằm thường ở trong Định).

nắng mặt trời, mặt trời vẫn tỏa sáng giống hệt như vậy, nhưng bị mây che lấp mà thôi. Hiện thời, chúng ta biết điều này rất rõ ràng, ngôi phi cơ bay lên tầng mây sẽ thấy vẫn là ngày nắng rực rỡ, trọn chẳng phải là ngày hôm nay mặt trời không tỏa sáng, chẳng phải vậy. Điều này giống như tự tánh vốn Định, tự tánh có Bát Nhã, nó vừa Chiếu vừa Tịch, vĩnh viễn chẳng biến đổi, nhưng chúng ta tự mình sanh vô minh. Vô minh giống như một vầng mây dường như tạm thời che lấp [tia sáng mặt trời], chứ thật ra trọn chẳng chướng ngại. Giống như các tầng mây che lấp thái dương, chứ thật ra không ngăn lấp được. Mặt trời rất to, các tầng mây bé tí như thế làm sao có thể phủ lấp mặt trời? Tự tánh của chúng ta càng lớn hơn, kinh thường nói: *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*. Một tí vô minh phiền não làm sao có thể chướng ngại nó được? Chẳng thể có chuyện ấy! Do đây, có thể biết: *“Linh minh đồng triệt”* là nói về tác dụng của tự tánh, *“trạm tịch thường hằng”* là hình tướng của tự tánh. Câu thứ ba và câu thứ tư nói về *“vô hướng, vô bối”*, chính là nói về bản thể. Đối với bản thể của tự tánh, *“thanh, trước, hướng, bối”* đều chẳng thể nào nói được!

(Diễn) Tam tứ cú huýnh tuyệt nhị biên, tức Thê Đại.

(疏) 三四句迴絕二邊，即體大。

(Diễn: Câu ba và câu bốn dứt bật hai bên, tức là nói tới Thê Đại).

“Huýnh” (迴) là xa vời vợi. [*“Huýnh tuyệt”*] là đoạn tuyệt thật rất ráo cả hai bên. Thanh và Trước là hai bên, Hướng và Bối là hai bên. Nói theo cách bây giờ, đó là “siêu việt tương đối”, ngay cả tuyệt đối cũng chẳng thể có. Tuyệt đối và tương đối vẫn là hai bên; đây chính là ý nghĩa *“bất khả tư nghị”* như trong phần trên đã giảng: Chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn. Đây chính là nói rõ về Thê.

(Sớ) Ngũ cú tổng tán, sở vị tức tam, tức nhất, song mãn, song tồn, từ táng, lự vong, bất khả tư nghị.

(疏) 五句總讚，所謂即三即一，雙泯雙存，辭喪慮亡，不可思議。

(Sớ: Câu thứ năm là lời khen ngợi chung, có nghĩa là [Thê, Tướng, Dụng] vừa là ba, vừa là một, cùng diệt mất, cùng tồn tại, ngôn ngữ dứt tuyệt, mất sạch suy đoán, chẳng thể nghĩ bàn).

Gộp cả Thê, Tướng, Dụng lại để khen ngợi chung.

(Sớ) *Mạt cú diệt kết quy tự tánh dã.*

(疏) 末句亦結歸自性也。

(Sớ: *Câu cuối cùng cũng là kết quy tự tánh.*)

Câu cuối cùng vẫn quy kết vào tự tánh: Thê, Tướng, Dụng là chính mình. Thê, Tướng, Dụng là những thứ ta sẵn có. Do đây có thể biết: Bộ kinh Di Đà này và sách Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa giảng điều gì? Giảng về chính mình, giảng về Thê - Tướng - Dụng Tam Đại, chứ chẳng giảng gì khác! Kinh Di Đà như vậy, mà kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Viên Giác, chẳng có một kinh nào không phải là như vậy.

Toàn bộ Phật pháp là nói về chính mình. Do vậy, Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, mà cũng chẳng phải là triết học. Vì sao? Tôn giáo³ nói đến Tha (người khác, sự vật khác), chứ không đến chính mình. Triết học cũng nói đến Tha, vẫn chẳng phải là chính mình. Phật pháp suốt từ đầu đến tận cuối cùng là giảng về chính mình, chẳng nói tới ai khác. Duy Thức Học nói rất hay, trong Phật pháp phân biệt hết thấy các pháp tướng, phân biệt là chính mình, đúng là “*ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”.

Chẳng hiểu rõ đạo lý này sẽ chẳng hiểu Phật pháp, kẻ ấy cũng chẳng có cách nào nhập Phật pháp, nhất định phải hiểu rõ!

(Diễn) *Hựu sơ cú minh vô hạ, phối Tam Đại dã.*

(演) 又初句明無下，配三大也。

(Diễn: *Lại nữa, từ “câu đầu tiên nói rõ không gì chẳng chiếu” trở đi là đem [những lời luận định về tự tánh trong phần Tựa] phối hợp với Tam Đại.*)

Tam Đại là Thê Đại, Tướng Đại và Dụng Đại.

³ Tôn giáo (Religion) hiểu theo quan điểm Tây phương luôn liên quan đến một đấng Sáng Thế, quy kết vũ trụ do một đấng thiêng liêng tạo ra, nên nói tôn giáo là Tha, không nhấn mạnh đến tự tâm như Phật giáo.

(Diễn) Dụng Đại giả, vị chúng sanh tâm cụ hữu vô biên diệu dụng.

(演) 用大者，謂眾生心具有無邊妙用。

(Diễn: Dụng Đại là nói tâm của chúng sanh có đủ vô biên diệu dụng).

Đây là nói về tâm của chúng sanh, tâm của quý vị có đủ vô biên tác dụng màu nhiệm.

(Diễn) Luận vân: “Tam giả Dụng Đại, năng sanh nhất thiết thế gian xuất thế gian thiện nhân quả cố”.

(演) 論云：三者用大，能生一切世間出世間善因果故

(Diễn: Luận ghi: “Ba là Dụng Đại vì có thể sanh ra hết thảy các thứ nhân quả tốt lành thế gian và xuất thế gian”).

“Luận” là Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát trình bày theo thứ tự thuận: Một là Thể Đại, hai là Tướng Đại, ba là Dụng Đại. Ở đây nói về Dụng Đại, cho nên dẫn điều thứ ba [trong luận Khởi Tín] nhằm thuyết minh tâm của chúng sanh có đủ vô biên diệu dụng, có thể sanh hết thảy nhân lành quả lành thế gian và xuất thế gian. Những thiện nhân thiện quả xuất thế gian của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật là do đâu mà có? Từ trong tâm của chính quý vị sanh ra. Thiện nhân thiện quả của trời người trong thế gian cũng từ trong cái tâm của chính quý vị sanh ra. Quý vị phải biết: Đây là chân tâm, chân tâm quyết định sanh ra thiện nhân và thiện quả. Tam ác đạo và A Tu La đạo từ đâu mà có? Từ vọng tâm sanh ra. Chân tâm mang thêm một tầng vô minh sẽ sanh ra hết thảy ác nhân, ác quả, vẫn là do cái tâm ấy sanh ra. Trong tâm vươngong mắc vô minh, vươngong mắc phiền não nghiệp chướng, liền sanh ra ác nhân, ác quả. Trừ bỏ vô minh, trừ khử nghiệp chướng, tâm ấy sanh ra thiện nhân, thiện quả, há chẳng phải là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo).

Chữ “*pháp giới*” [trong hai câu kệ ấy] chỉ mười pháp giới, mà cũng chỉ Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới đều là “*duy tâm sở tạo*”, “*tạo*” có nghĩa là hiện, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Vì sao có thể hiện các thứ khác nhau? Thức khởi lên sự biến hóa ở trong ấy, duy thức sở biến. Tâm là chân tâm, duy Thức là chân tâm đeo thêm một tầng vô minh, chúng ta gọi nó là A Lại Da Thức

hoặc “vọng tâm”. Nó có thể sanh, mà cũng là như Lục Tổ lúc khai ngộ đã nói: “*Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp*” (Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp). “*Hà kỳ*” (何期) là không ngờ; không ngờ tự tánh có thể sanh ra hết thảy vạn pháp. Ngài khai ngộ liền thấy được chân tướng này, thốt lên một câu rất cảm khái như thế!

(Diễn) Kim thử linh minh vô sở bất chiếu.

(演) 今此靈明無所不照。

(Diễn: Nay [tự tánh] linh minh này không đâu chẳng chiếu.
Bát Nhã quang minh trong bốn tánh không đâu chẳng chiếu.

(Diễn) Tức thị năng sanh nhất thiết thể xuất thể thiện nhân quả đã.

(演) 即是能生一切世出世善因果也。

(Diễn: Chính là cái có thể sanh ra hết thảy nhân quả tốt lành thế gian hay xuất thế gian).

Từ câu này, chúng ta thấu hiểu hết sức rõ ràng, xác đáng: Hết thảy thiện nhân thiện quả đều sanh từ trí huệ. Linh minh giác chiếu là trí huệ trong bốn tánh, khó trách Phật pháp đề cao Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong bốn tánh có Thể, có Tướng, có Dụng; Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là nói về tác dụng, chứ không phải là nói về Thể. Chúng ta nói chữ Phật có ý nghĩa là Giác. Nói đến ý nghĩa của chữ Trí vẫn là nói đến tác dụng. Nếu nói đến Thể thì phải nói đến Tịch, nói “*thanh tịnh tịch diệt*” thì mới là đúng. Do vậy, nói Niết Bàn là dựa theo Thể để nói. Niết Bàn có nghĩa là “*tịch tĩnh, tịch diệt*”. Nói Phật là nói theo phương diện Dụng. Phật là trí huệ, có nghĩa là Giác. Niết Bàn và Phật có cùng một ý nghĩa, nhưng một đàng nói theo phương diện Thể, một đàng nói theo phương diện tác dụng. Dụng đương nhiên có Thể, Thể nhất định có Dụng. Đây là liễu giải: Thiện nhân thiện quả nhất định phải có trí huệ; chẳng có trí huệ sẽ không được.

(Diễn) Tướng Đại giả, vị chúng sanh tâm cụ hữu Như Lai trí huệ, đức tướng.

(演) 相大者，謂眾生心具有如來智慧德相。

(Diễn: *Tướng Đại là nói tâm của chúng sanh có đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai).*

Câu này chú trọng đức tướng. Khi Phật Thích Ca thành Phật, mới thấy tướng chân thật của hết thầy pháp, tức Thật Tướng của các pháp, lão nhân gia bèn nói: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, đáng tiếc là các người có phân biệt, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Lão nhân gia thốt ra lời rất cảm khái như vậy. Câu này cũng nói rất rõ ràng: Nếu trừ được phân biệt, chấp trước, thì trí huệ và đức tướng Như Lai của chúng ta sẽ hiện tiền, bèn chứng đắc; nhưng quý vị chẳng chịu bỏ phân biệt, chấp trước thì chẳng có cách nào hết! Ai chịu bỏ phân biệt, chấp trước, sẽ thành Phật ngay lập tức. Những thứ này khó bỏ, khó đoạn, chúng là tập khí từ vô thi kiếp đến nay. Bỏ như thế nào? Phải Định, phải Tịnh. Kinh dạy: “*Tịnh cực quang thông đạt*”. “*Tịnh*” là Định, Định đến tột cùng thì trí huệ và đức tướng Như Lai vốn có sẽ hiện tiền, sẽ thông đạt sự quang minh ấy. Do vậy, trí huệ nhất định phải từ Thiền Định sanh ra. “*Nhất tâm bất loạn*” trong kinh này chính là tự tánh vốn Định, là Thiền Định, là Lăng Nghiêm Đại Định như kinh Lăng Nghiêm đã nói. Trong câu kế tiếp, lại dẫn câu thứ hai trong Khởi Tín Luận để giảng.

(Diễn) Luận vân: “*Nhị giả Tướng Đại, vị Như Lai Tạng cụ túc vô lượng tánh công đức cố*”.

(演) 論云：二者相大，謂如來藏具足無量性功德故。

(Diễn: *Luận chép:* “*Hai là Tướng Đại, vì Như Lai Tạng trọn đủ vô lượng các công đức thuộc về tánh*).

Như Lai Tạng là gì? Chính là cái tâm của chúng sanh, tâm của chúng sanh là Như Lai Tạng. Trí huệ và đức tướng của Như Lai là vô lượng công đức trong tự tánh. Cách nói khác nhau, nhưng vẫn cùng là một chuyện. “*Cụ túc vô lượng tánh công đức*” là có trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Hai câu có thể dùng để giải thích lẫn nhau thì vừa đọc đã thấy ý nghĩa hết sức rõ rệt.

(Diễn) Kim thử tràm tịch vô sở bất hàm, tức thị cụ túc vô lượng tánh công đức dã.

(演) 今此湛寂無所不含，即是具足無量性功德也。

(Diễn: Nay sự tràm tịch (trong trẻo, vắng lặng) này không gì chẳng chứa đựng, chính là đầy đủ vô lượng công đức nơi tự tánh vậy).

“Tràm” là thanh tịnh, “tịch” là tịch diệt bất động. Tâm thanh tịnh, chẳng có một tí cặn bã nào, Lục Tổ nói “vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần”. Một hạt vi trần cũng chẳng nhiễm, đó là “tràm tịch”, đây là hình tướng của chân tâm. Thể quá khó giải thích, hãy từ Dụng và Tướng mà quan sát sẽ dễ hiểu được. Tướng và Dụng đều là bản thể. Tự tánh có đủ vô lượng công đức, khi nào quý vị mới có thể thấy được? Nhất định là phải đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì sẽ thấy được. Bởi lẽ, hình tướng của Lý nhất tâm là “tràm tịch thường hằng”. Dùng hai câu trong kinh Kim Cang để nói thì là “chẳng chấp vào tướng, như như bất động”. Đây là Lý nhất tâm, là tràm tịch thường hằng, cho nên mới có thể nhận thấy những thứ vốn có sẵn đầy đủ trong ấy.

(Diễn) Thể Đại giả, vị chúng sanh tâm thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể.

(演) 體大者，謂眾生心是一法界大總相法門體。

(Diễn: Thể Đại là nói tâm của chúng sanh là Thể của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới).

Điều này chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm gọi “nhất pháp giới” là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, bản thể của pháp môn Đại Tổng Tướng trong Nhất Chân pháp giới. Nói cách khác, Nhất Chân pháp giới nương vào gì để biến hiện? Nương vào tâm của chúng sanh để biến hiện. Tâm chúng sanh hiện ra tướng Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới có vô lượng vô biên biệt tướng. Biệt tướng là cái được hiện, tổng tướng là năng hiện (chủ thể biến hiện). Tổng tướng là tướng của tâm chúng sanh.

(Diễn) Luận vân: “Nhất giả, Thể đại, vị nhất thiết pháp Chân Như bình đẳng, bất tăng giảm cố”.

(演) 論云：一者體大，謂一切法真如平等不增減故。

(Diễn: Luận nói: “Một là Thể đại, nghĩa là hết thảy pháp Chân Như bình đẳng vì không tăng giảm”).

“*Nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể*” chẳng tăng, chẳng giảm, không thanh, không trước, không trái nghịch, không hướng về, trong ấy chẳng lập một pháp, chẳng bỏ một pháp nào, chẳng có lấy hay bỏ. Do vậy, pháp này là pháp bình đẳng, là pháp chân thật. “*Nhất thiết pháp Chân Như*”, Thể là chân, Tướng và Dụng cũng chẳng giả. Khi mê thì nói là hư vọng, lúc ngộ bèn nói là thuần chân. Khi mê thì dường như có tăng giảm, lúc ngộ chẳng có tăng hay giảm. Do vậy, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Hết thấy pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm. Nếu chúng ta quan sát cẩn kỹ, hiện thời các nhà khoa học cũng đã phát hiện [điều này], nhưng không nói thấu triệt như Phật pháp. Các nhà khoa học nói: “Vật chất bất diệt, tinh thần cũng bất diệt”. Đã bất diệt thì đương nhiên cũng chẳng sanh, “*bất sanh, bất diệt*”. Đây là điều chân thật, nhưng hết thấy tướng chỉ có duyên tụ hay duyên tán. Có rất nhiều người cảm thấy kỳ quái, trên thế giới hiện thời có nhiều người như thế, rốt cuộc họ từ đâu tới? Có phải là chân tánh có thể biến thành rất nhiều tánh hay không? Quý vị mà hiểu như vậy thì đã sai rồi. Nếu thần thức của chúng ta có thể biến thành thật nhiều thì trong tương lai khi chúng ta thành Phật cũng có thể biến thành rất nhiều Phật hay sao? Chẳng có lẽ ấy! Phải hiểu chân tướng là “*chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng một, chẳng khác, một vị bình đẳng*”.

(Diễn) Kim thư “linh tâm tuyệt đãi, huýnh tuyệt nhị biên”, tức thị bất tăng, bất giảm, nhất vị bình đẳng dã.

(演)今此靈心絕待，迴絕二邊，即是不增不減一味平等也。

(Diễn: Nay “cái tâm thông linh, dứt bất đối đãi, dứt trọn hai bên” này chính là chẳng tăng, chẳng giảm, một vị bình đẳng vậy).

Hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng tồn tại. Thanh, trước, hướng về, trái nghịch, đều là nhị biên, trong chân tánh chẳng tìm được. Đây chính là như luận Khởi Tín đã nói: Chân Như bình đẳng, chẳng tăng, chẳng giảm, một vị bình đẳng. Câu này nhằm giảng rõ Thể Đại. Tiếp theo đây, sách Diễn Nghĩa gộp cả ba thứ Thể, Tướng, Dụng lại để khen ngợi chung.

(Diễn) “*Tức tam, tức nhất, song mãn, song tồn*” giả, *Thể phi Tướng, Dụng, nãi chí Dụng phi Thể, Tướng, tức tam dã. Nhi hựu ly Thể vô Tướng Dụng, ly Tướng vô Thể Dụng đẳng, tức nhất dã.*

(演)即三即一，雙泯雙存者，體非相用，乃至用非體相，即三也；而又離體無相用，離相無體用等，即一也。

(Diễn: “*Chính là ba, chính là một, cả hai cùng mất, cả hai cùng tồn tại*”: *Thể chẳng phải là Tướng hay Dụng, cho đến Dụng chẳng phải là Thể hay Tướng nên chúng chính là ba. Lại nữa, là Thể sẽ không có Tướng và Dụng, là Tướng sẽ không có Thể và Dụng v.v... nên chúng chính là một*).

Thể chẳng phải là Tướng, Tướng chẳng phải là Dụng. Thể, Tướng, Dụng là ba món, nên “*tức tam*” (chính là ba). Tuy vậy, chúng có cùng một bản thể, [nói Thể, Tướng, Dụng] là quan sát từ ba góc độ, nhưng ba món này lại là một. Là Thể sẽ chẳng có Tướng và Dụng, là Tướng cũng chẳng có Thể và Dụng. Do vậy, chúng lại là một. Một mà ba, ba là một! Nói ba thì chẳng có một, nói một thì chẳng có ba, [do vậy gọi là] “*song mãn*” (cả hai cùng mất). Một chính là ba, ba chính là một, [nên gọi là] “*song tồn*” (cả hai cùng tồn tại). Nói một hay ba đều được. Nhất định phải hiểu rõ những ý nghĩa được chứa đựng trong mấy câu này. Hễ có một điểm nào lơ mờ thì chẳng những quý vị chẳng thể khai ngộ, mà tất nhiên quý vị sẽ tăng trưởng mê hoặc, tăng trưởng vô minh, tăng trưởng tà kiến. Vì sao là ba? Vì sao là một? Vì sao chẳng phải là ba mà cũng chẳng phải là một? Vì sao vừa là ba vừa là một? Phải hiểu rõ từng điều! Nói là ba hay một, là nói theo góc độ nào? Nói chẳng phải ba, chẳng phải một là nói từ chỗ nào? Vừa là ba vừa là một là nói từ chỗ nào? Đều phải hiểu rõ, quán sát từng khía cạnh thì mới có thể ngộ nhập Thật Tướng, mới thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, đoạn nghi sanh tín. Nhất định phải hiểu rõ Tam Đại Thể - Tướng - Dụng. Chuyện này có quan hệ hết sức lớn, trong triết học, chúng thuộc [hai phạm trù⁴] là bản

⁴ Phạm trù (范疇, category of being) là thuật ngữ trong Triết Học, chỉ một hệ thống phân loại những khái niệm triết học có chung một số đặc điểm chung, sẽ được xếp vào cùng một tiêu loại. Tiêu loại ấy sẽ gọi là Phạm Trù. Nói cách khác, có thể hiểu đơn giản, Phạm Trù là cách phân loại tổng quát các khái niệm thành những tiểu tập

thể và hiện tượng. Thể Đại là bản thể, Tướng Đại là hiện tượng. Phạm vi bao quát của Dụng Đại quá rộng lớn, gần như tất cả học thuật thể gian lẫn xuất thể gian không gì chẳng thuộc trong Dụng Đại.

(Diễn) Nhất tức tam, tắc nhất mẫn, tam tức nhất, tắc tam mẫn, song mẫn dã. Nhi hựu nhất tức tam, tắc tam tồn, tam tức nhất, tắc nhất tồn, song tồn dã. Tồn thời tức mẫn, mẫn thời tức tồn, phi mẫn, phi tồn, bất khả tư nghị.

(演)一即三則一泯，三即一則三泯，雙泯也。而又一即三則三存，三即一則一存，雙存也。存時即泯，泯時即存，非泯非存，不可思議。

(Diễn: Một chính là ba, tức là “nhất” đã mất. Ba chính là một, tức là “tam” đã mất. Đây chính là “song mẫn” (cả hai cùng mất). Lại nữa, một tức là ba, tức là “tam” tồn tại. Ba chính là một, tức là “nhất” tồn tại. Đây là “song tồn” (cả hai cùng tồn tại). Khi tồn tại chính là mất, khi mất chính là tồn tại, chẳng mất, chẳng tồn tại, chẳng thể nghĩ bàn.)

Ngôn ngữ chỉ có thể diễn tả tới đây, công năng của ngôn ngữ phát huy đến đây là tột cùng, chẳng còn có cách nào khác nữa, nhưng ý nghĩa chẳng tận. Từ chỗ này, lại phải đẩy ý nghĩa lên một tầng cao hơn nữa, đó gọi là “ý nằm ngoài lời”. Không có cách nào diễn tả ý nằm ngoài lời, chỉ đành nói “bất khả tư nghị”. Nếu quý vị muốn giải thích sự bất khả tư nghị cho người ta, hãy đem đoạn này nói ra, nó chính là ý nghĩa của “bất khả tư nghị” đây.

Liên Trì đại sư nói: “Từ táng, lự vong, bất khả tư nghị” (Từ ngữ dứt bật, suy nghĩ dứt tuyệt, chẳng thể nghĩ bàn). “Từ” (辭) là ngôn thuyết, ngôn thuyết đến đây là cùng tận, nói hết rồi, không còn cách nào để nói nữa. “Lự” (慮) có nghĩa là suy nghĩ. “Từ táng” là không còn nói năng gì được nữa. “Lự vong” là tâm hành cũng ngưng dứt. Chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn tả được, chẳng thể suy nghĩ, tưởng tượng được, đó là “bất khả tư nghị”. Thế nhưng có cảnh giới ấy hay không? Có chứ!

hợp riêng biệt nhằm để biện luận, suy tưởng. Các phạm trù quan trọng nhất trong Triết Học Cổ Hy Lạp theo Aristotle là Thực Thể (Ousia), Số Lượng (Poson), Phẩm Chất (Poion), Quan Hệ (Pros Ti), Nơi Chón (Pou), Thời Gian (Pote), Tư Thế (Keisthai), Trạng Thái (Echein), Động Tác (Poiein) và Ảnh Hưởng (Paschein).

Thật sự có cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy là gì? Tự tánh đây! Tức là Chân Như bốn tánh của chúng ta. Chân Như bốn tánh chính là giáo thể của kinh này. Kinh Di Đà từ trong bốn tánh, từ trong tự tánh lưu lộ. Bộ kinh này là tự tánh của chính mình. Do đây có thể biết, danh hiệu A Di Đà Phật là đức hiệu của chính tự tánh. Dùng từng tiếng danh hiệu này để đánh thức tự tánh của chính mình, khôi phục tự tánh của chúng ta. Do vậy, công đức của danh hiệu ấy chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn văn tiếp theo là [đem những lời giải thích về tự tánh trong phần lời tựa sách Sớ Sao] phối hợp với ba đức để nói. Ba đức là Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát.

(Sớ) Hựu sơ cú ngôn Chiếu, tức Bát Nhã đức. Nhị cú ngôn Tịch, tức Giải Thoát đức. Tam tứ cú ngôn Tịch Chiếu bất nhị, tức Pháp Thân đức. Ngũ cú tổng tán, mạt cú kết quy, lệ thượng khả tri.

(Diễn) Hựu, “sơ cú ngôn Chiếu” hạ, phối Tam Đức. Trí huệ quang minh biến chiếu pháp giới danh vi Bát Nhã.

(疏)又初句言照，即般若德。二句言寂，即解脫德。三四句言寂照不二，即法身德。五句總讚，末句結歸，例上可知。

(演)又初句言照下配三德，智慧光明遍照法界名為般若。

(Sớ: Lại nữa, câu đầu tiên nói về Chiếu, tức là Bát Nhã đức. Câu thứ hai nói tới Tịch, tức là Giải Thoát đức. Câu thứ ba và câu thứ tư nói “Tịch Chiếu bất nhị”, tức là Pháp Thân đức. Câu thứ năm là khen ngợi chung, câu cuối cùng kết quy [tự tánh], cứ dựa theo phần trên sẽ biết được ý nghĩa.

Diễn: Lại nữa, từ “câu đầu tiên nói về Chiếu” trở đi là phối hợp với Tam Đức. Trí huệ quang minh chiếu khắp pháp giới thì gọi là Bát Nhã).

“Pháp giới” có Nhất Chân pháp giới, có mười pháp giới. “Chiếu” là hết thảy đều thông đạt. Các tôn giáo tán thán Thần hay Thượng Đế của họ là toàn tri toàn năng. Thật ra, Thần và Thượng Đế chưa chắc đã toàn tri toàn năng, nhưng Bát Nhã trong tự tánh mới thật sự có tác dụng toàn tri toàn năng. Do vậy, toàn tri toàn năng là chính mình. Hiện thời,

chúng ta thật đáng thương. Vốn là toàn tri toàn năng, quá khứ, hiện tại, vị lai không gì chẳng biết, nhưng con người hiện thời mê hoặc đến cùng cực, nghe nói kẻ nào đó có chút thần thông vật vãnh bèn vội vàng đến lễ bái kẻ đó. Quý vị phải biết, đó là thần thông nhỏ nhoi! Có phải là bản thân kẻ ấy thật sự có thần thông hay chẳng? Không phải! Quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ biết ngay: Những loài yêu ma quỷ quái dựa vào thân kẻ ấy. Những loài yêu ma quỷ quái quá nửa có năm thứ thần thông: Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Thần Túc, Túc Mạng, nhưng không có Lưu Tận Thông. Bọn chúng có Túc Mạng Thông, nhập vào thân quý vị nên quý vị có thể biết quá khứ, vị lai. Năng lực của chúng rất hữu hạn, chỉ biết những chuyện gần nhất, chẳng biết những chuyện xa xôi, chỉ biết chuyện nhỏ, chẳng biết chuyện lớn, quyết chớ để những loài yêu ma quỷ quái ấy lừa gạt!

Một cá nhân tin vào những loài yêu ma quỷ quái ấy, gia đình người đó chẳng bao lâu sẽ suy bại, một quốc gia mà tin vào những thứ đó, quốc gia ấy chẳng bao lâu nhất định diệt vong. Trong Tả Truyện có ghi: “*Quốc chi tương vong, tất hữu yêu nghiệt*” (Nước sắp mất, ắt có yêu nghiệt). Yêu nghiệt là gì? Chính là những loài yêu ma quỷ quái. Chúng ta thấy xã hội hiện thời không tốt đẹp, xã hội gặp phải hoạn nạn, chẳng hạnh phúc như vậy là điềm báo trước đại kiếp nạn sắp xảy tới. Chỗ nào cũng có những loài yêu ma quỷ quái mê hoặc lòng người, khiến cho chánh tri chánh kiến của con người bị mê hoặc. Như vậy thì tai nạn do đâu mà có? Tai nạn do chính con người tạo ra! Quý vị chẳng đoái hoài tới những loài yêu ma quỷ quái ấy, chẳng tin tưởng chúng, hai ngày sau chúng sẽ bỏ đi, vì không có cách gì phô trương bản lãnh được! Có nhiều người tin tưởng chúng, ủng hộ chúng, chúng càng ngày càng lợi hại. Ai cũng mắc cái bệnh này: Ưu chuộng kỳ quái! Nói chánh pháp thì họ chẳng tin tưởng, những chuyện bình thường nhạt nhẽo ấy có gì là kỳ quái đâu nhỉ? Kẻ kia có thần thông, nói vanh vách những chuyện trong lòng tôi, tuyệt diệu thay! Đây là nhược điểm trong tánh tình con người. Yêu ma quỷ quái bèn nắm lấy nhược điểm trong tánh tình con người để mê hoặc quý vị, khiến cho quý vị hoàn toàn chôn vùi lòng tin nơi chính mình. Chính quý vị có vạn đức vạn năng, chính quý vị có trí huệ quang minh vô hạn, nhưng quý vị tin tưởng những thứ yêu ma quỷ quái ấy, [những thứ đức năng, trí huệ v.v...] đều mất hết, khiến cho chính mình càng mê càng sâu, tạo tội nghiệp ngày càng nặng. Trung Quốc, ngoại quốc đều là như vậy, đó gọi là mê tín!

Lúc tôi mới học Phật, thỉnh giáo Chương Gia đại sư về chuyện cầu cơ. Chương Gia đại sư bảo tôi: Đây là linh quỷ giả mạo danh nghĩa của Phật, Bồ Tát, mạo nhận là Phật, Bồ Tát, chúng cũng làm được một chút chuyện tốt, cũng muốn tu thiện, quá nửa là khuyên con người đoạn ác tu thiện. Dùng thân phận của chúng thì chẳng ai tin tưởng. Do vậy, chúng bèn giả mạo danh nghĩa của Phật, Bồ Tát thì mọi người tin tưởng, chứ không phải là Phật, Bồ Tát thật sự. Chuyện nhỏ thì linh nghiệm, chứ chuyện lớn sẽ một mực hồ đồ, nói nhăng nói cuội! Chương Gia đại sư bảo tôi: Nhà Mãn Thanh mất nước do mê cầu cơ. Do Từ Hy thái hậu tin tưởng nên hàng vương công đại thần trong chánh phủ Mãn Thanh đều tin tưởng. Quốc gia quyết định chánh sách chẳng dám tự mình làm chủ, mà nhờ vào cầu cơ để quyết định. Do cầu cơ nhà Mãn Thanh bị mất nước. Sách Tả Truyện chép: “*Quốc tương hưng, thịnh u dân (lão bách tánh), quốc tương vong, thịnh u thần (quỷ thần)*” (Nước sắp hưng thịnh, chánh quyền nghe theo ý dân. Nước sắp mất, chánh quyền nghe lời quỷ thần). Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, muốn gia đình chúng ta hưng vượng, hãy nghe lời người nhà, nghe ý kiến của người nhà. Chuyện gì chúng ta cũng nên họp lại, bàn bạc quyết định. Nếu nghe theo lời giáng cơ, nhà đó nhất định diệt vong.

Phật pháp dạy quý vị khôi phục năng lực và thần thông chính mình vốn có. Quỷ thần có năm thứ tiểu thần thông, quý vị có đại thần thông, vì sao quý vị chẳng khôi phục? Trí huệ, đức năng là những thứ sẵn có đầy đủ trong bản tánh, chẳng do bên ngoài mà có! Tu học Phật pháp khởi sự từ Giới, Định, Huệ, y giáo phụng hành, nhất định sẽ chứng đắc. Học Phật phải thành tâm thành ý mà học, chẳng thể chụp giựt, cầu may. Đây là khôi phục tánh đức của chính mình, làm sao có thể chụp giựt, cầu may cho được? Tâm có tí ti hư ngụy sẽ thành chướng ngại, [sự hư ngụy ấy] chính là kẻ giặc đối với tánh đức. Điều thứ nhất của Bồ Đề tâm là “chí thành tâm”, chẳng có mảy may hư ngụy nào, chân thành thì mới có thể khôi phục trí huệ quang minh chiếu trọn khắp pháp giới, đây là Bát Nhã đức.

(Diễn) *Ly nhất thiết nhiễm đức đại tự tại, danh vi Giải Thoát.*

(演) 離一切染得大自在名為解脫。

(Diễn: *Lìa hết thảy nhiễm, được đại tự tại thì gọi là Giải Thoát).*

Đây là câu thứ hai, chỉ có tự tánh vốn Định. Từ trong thanh tịnh tịch diệt thì hết thấy ô nhiễm đều chẳng có. Có tí ti ô nhiễm nào thì tâm quý vị sẽ chẳng thể Định. Chúng ta thường gọi ô nhiễm là “vướng mắc”. Có tí ti chuyện gì ghim giữ trong lòng, tâm sẽ chẳng thể an. Nhà Thiền thường nói “*một sợi tơ chẳng vướng*”, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, tự tại rồi đấy! Hễ có vật gì bèn là vướng mắc, có vướng mắc sẽ chẳng tự tại. “*Giải thoát*” là tự tại. Chữ Giải ở đây nên coi như động từ, có nghĩa là tháo ra, “*thoát*” là thoát lìa. Giải là nói theo mặt nhân, Thoát là nói theo mặt quả. Chúng ta tháo gỡ mê hoặc điên đảo sẽ vượt thoát sanh tử luân hồi, thì mới có thể đắc “đại tự tại”. Điều này cần phải có Thiền Định rất sâu! A La Hán có Cử Thủ Đệ Định, vượt thoát luân hồi trong sáu đường. Trên quả địa Như Lai, tự tánh vốn Định sẽ siêu việt hai thứ sanh tử là Phần Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử, siêu việt mười pháp giới, chứng đắc Nhất Chân pháp giới, đấy mới gọi là “đại tự tại”. Câu thứ ba và câu thứ tư nói về “Tịch - Chiêu bất nhị”, đấy là nói về Pháp Thân đức.

(Diễn) Tâm thể ly niệm pháp giới nhất tướng, danh vi Pháp Thân.

(演) 心體離念法界一相名為法身。

(Diễn: Tâm thể ly niệm pháp giới nhất tướng, gọi là Pháp Thân).

“*Tâm thể*” là chân tâm lý thể, tức là bản thể của chân tâm, quý vị phải ghi nhớ, nó không có niệm. Vô niệm mới là chánh niệm. Có niệm là vọng niệm. Thử hỏi: Chúng ta hết thấy ý niệm đều không có thì có phải là chánh niệm hay không? Vẫn là vọng niệm! Chúng ta hiện đang có niệm, đó là tà kiến, mà vô niệm thì là vô minh, tuyệt đối chẳng thể có chánh niệm hiện tiền vì rớt vào hai phương diện Có và Không. “*Ly niệm*” là rời hữu niệm mà vô niệm cũng rời luôn! Có và Không đều rời hết, đó mới gọi là “*chánh niệm*”. Nay chúng ta chỉ có thể rời một bên, hễ rời hữu niệm bèn còn có vô niệm, hễ rời vô niệm bèn còn có hữu niệm. Phải bỏ cả hai bên mới được! Rời một bên là không được, rời vô niệm là hữu niệm, hữu niệm là tà kiến, rời hữu niệm bèn là vô niệm, vô niệm là vô minh.

Có những người tu Vô Tướng Định, tách rời hết thấy vọng tướng, chuyên tu vô niệm, tu thành Vô Tướng Định, sống trong Vô Tướng Thiên thuộc Tứ Thiên Thiên. Đó là ngoại đạo thiên, một mực chết lạng,

thứ gì cũng chẳng có. Định ấy mất đi, lại luân hồi đầu thai, cảnh giới như vậy đây! Đó là Tử Định, chẳng phải là Pháp Thân. Tại Ấn Độ có những hàng ngoại đạo tu hành, lìa hết thảy vọng niệm, tu Không Định, tu thành công, sanh lên Tứ Không Thiên. Tứ Không Thiên thấy một khối hỗn độn. Hỗn độn là gì vậy? Là vô minh. Mở đầu sách Ấu Học Quỳnh Lâm là câu “*hỗn độn sơ khai, càn khôn thí điện*” (thuở bắt đầu hỗn độn, trời và đất bắt đầu định lập), kiến giải hoàn toàn tương đồng với ngoại đạo Ấn Độ. Ngoại đạo Ấn Độ lập ra hai mươi lăm Đé, điều thứ nhất là Minh Đé. Minh Đé (冥諦: Minh ở đây là tối tăm) chính là hỗn độn sơ khai. Vô Tướng Định đến mức cùng cực có cảnh giới như thế, họ tưởng đó là Bồ Đề Niết Bàn, lầm lẫn quá đỗi! Phật pháp dạy chúng ta: Pháp Thân là quang minh, chẳng phải là hắc ám, quang minh chiếu trọn khắp pháp giới. “*Hỗn độn*” là hắc ám, chẳng phải là quang minh.

“*Tâm thể ly niệm*”: Hữu niệm và vô niệm đều lìa, rồi mới thấy pháp giới vốn là “*nhất tướng*”, nhất tướng không có hai tướng, đó gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân.

(Diễn) Thị tam chủng giai cụ Thường Lạc Ngã Tịnh tứ đức, cố giai vân đức.

(演) 是三種皆具常樂我淨四德，故皆云德。

(Diễn: Ba loại này đều có đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nên đều nói là “đức”).

Bát Nhã đức, Giải Thoát đức, Pháp Thân đức, “*đức*” là gì? Trong ấy gồm bốn điều. Trong Bát Nhã có Thường, có Lạc, có Ngã, có Tịnh. Thường là vĩnh hằng bất biến; Lạc là lìa hết thảy khổ, thật sự hưởng thụ tự tại, chân lạc; Ngã là chủ tử, chính mình thật sự làm chủ; Tịnh là thanh tịnh, quyết định chẳng nhiễm. Trong Bát Nhã có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; trong Giải Thoát có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; trong Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nên [Bát Nhã, Giải Thoát, Pháp Thân] gọi là Tam Đức. Chữ Đức chỉ bốn thứ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, “*cố giai vân Đức*” (nên đều nói là Đức).

(Diễn) Nhiên hữu quả thượng tu thành tam đức, nhân trung tánh cụ tam đức, kim chỉ nhân trung tánh cụ nhi ngôn dã.

(演)然有果上修成三德，因中性具三德，今指因中性具而言也。

(Diễn: Nhưng có [hai loại]: Tam đức do tu thành nơi quả và tánh trọn đủ tam đức trong khi tu nhân, nay [tam đức được nhắc đến ở đây] chính là nói về tánh trọn đủ tam đức trong khi tu nhân vậy).

Tu thành nơi quả là Phật và đại Bồ Tát. Pháp Thân đức, Giải Thoát đức, Bát Nhã đức của các Ngài đều hiện tiền, đặc đại tự tại! Phàm phu thì sao? Chúng ta chưa đắc quả, tuy trong bản tánh đã có, nhưng hiện tại chẳng thể thụ dụng. Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đều không có. Có phải là thật sự không có hay chẳng? Thật sự là có. Có đầy đủ trong bản tánh của chúng ta, đầy đủ Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, đầy đủ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, hiện thời vì sao không có? Mê mất rồi! Phá mê khai ngộ, đều khôi phục hết.

Đây chính là đem một đoạn trong lời tựa phối hợp với ba đức để giảng rõ, đủ thấy ý nghĩa trong mấy câu của lời tựa hết sức rộng lớn, tinh tường, sâu xa, gần như chẳng có pháp nào không bao hàm. Hôm nay đã hết thời gian rồi!